

Số: 608 /BC-UBND

Kbang, ngày 15 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện
Theo chỉ tiêu, kế hoạch được UBND Tỉnh giao năm 2021**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT.

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND Tỉnh “V/v phê duyệt danh sách 19 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới; 08 xã phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; huyện Kbang và huyện ĐăkPơ phấn đấu đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2021”;

Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện theo chỉ tiêu, kế hoạch được giao năm 2021, như sau:

I. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021.

Trên cơ sở kế thừa thành quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện trong thời gian qua, cùng với sự ủng hộ của Trung ương, của Tỉnh và sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nhân dân trên địa bàn, Huyện Kbang đã triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, mục tiêu đến cuối năm 2021 như sau:

1. Về xây dựng Huyện nông thôn mới: Phấn đấu thực hiện đạt chuẩn 3 tiêu chí huyện nông thôn mới còn lại (số 1 về quy hoạch, số 2 về giao thông, số 5 về văn hóa – y tế – giáo dục) và xây dựng huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

2. Về xây dựng xã nông thôn mới: Phấn đấu có thêm 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến cuối năm 2021 lên 13/13 xã.

3. Về xây dựng làng Nông thôn mới: Phấn đến cuối năm 2021 có thêm 7 làng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn làng nông thôn mới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Kbang được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, sự hỗ trợ tích cực của các đơn vị Trung ương đứng chân trên địa bàn, các sở, ban, ngành Tỉnh; sự chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ huyện đến xã, thôn, làng và toàn thể nhân dân dân. Đặc biệt, trong năm 2021 mặc dù không được TW phân bổ hỗ trợ kinh phí để thực hiện chương trình, tuy nhiên huyện đã chủ động huy động, tập trung nguồn nhân lực, vật lực đầu tư thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, làm thay đổi lớn về bộ mặt nông thôn: cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản được hoàn thiện, đời sống nhân dân được nâng cao, có 12/13 xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 7% (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020), vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn huyện được cải thiện; hệ thống chính trị cấp xã được nâng cao chất lượng và hiệu lực, hiệu quả; an ninh, trật tự xã hội được giữ vững.

Trong năm 2021, trên cơ sở nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, UBND huyện đã ban hành quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 19/02/2021 để giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM cho từng xã để tổ chức thực hiện; ban hành kế hoạch số 813/KH-UBND ngày 15/6/2021 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021. Đồng thời đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phụ trách các tiêu chí tổ chức rà soát từng nội dung công việc để xây dựng kế hoạch, đôn đốc hướng dẫn các xã thực hiện, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Về xây dựng huyện nông thôn mới.

1.1. Thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Qua rà soát, đánh giá, ước đến ngày 31/12/2021, có 7/9 tiêu chí đạt chuẩn (gồm tiêu chí số 1 về quy hoạch, số 3 về thủy lợi, số 4 về điện, số 6 về sản xuất, số 7 về môi trường, số 8 về an ninh, trật tự xã hội, số 9 về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới).

- Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 02 tiêu chí (gồm: tiêu chí số 2 về giao thông và tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục).

1.2. Thực hiện yêu cầu xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Dự kiến lũy kế đến cuối năm 2021, toàn huyện mới có 7/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Đánh giá: Huyện Kbang chưa đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2021.

*** Nguyên nhân:**

- Huyện còn 06 xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới (Theo quy định Huyện nông thôn mới phải có 100% xã nông thôn mới).

- Huyện còn 2 tiêu chí huyện nông thôn mới chưa đạt chuẩn, cụ thể:

+ **Tiêu chí số 2:** Còn 6,58 km đường giao thông trục huyện (từ xã Kông Long Khong đi xã Đăk Hlor), đến nay Huyện chưa có nguồn kinh phí để đầu tư (nhựa hóa, Bê tông hóa) đạt chuẩn theo quy định trong năm 2021.

+ **Tiêu chí số 5:** Chỉ tiêu 5.1 – Văn hóa: Huyện đã thành lập một trung tâm văn hóa – thể thao để phục các hoạt động văn hóa – thể thao trên địa bàn huyện cũng như kết nối với các hoạt động văn hóa – thể thao trên địa bàn các xã theo đúng quy định, tuy nhiên xét theo quy định tại Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2020 của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch thì trung tâm văn hóa – thể thao huyện chưa có đủ 2/3 công trình (Sân Vận động, bể bơi và Nhà tập luyện thể thao), **Hiện nay còn thiếu bể bơi và Nhà tập luyện thể thao đa năng.**

(Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Về xây dựng xã nông thôn mới:

Theo đánh giá ngay từ đầu năm 2021 Số tiêu chí đã thực hiện đạt chuẩn bình quân trên địa bàn các xã là 18,5 tiêu chí (chỉ còn lại Tiêu chí số 10-Thu nhập trên địa bàn 6 xã Kông Long Khong, Lơ Ku, Đak Smar, Đak Rong, Krong và Kon Pne chưa đạt).

Qua 01 năm triển khai thực hiện, mặc dù đã có nhiều nỗ lực phấn đấu, tuy nhiên do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh (dịch ở người và gia súc) nên qua đánh giá đến nay huyện chưa thực hiện hoàn thành tiêu chí thu nhập trên địa bàn các xã và có phát sinh thêm 3 tiêu chí chưa đạt chuẩn, trong đó (xã Kông Long Khong: phát sinh tiêu chí số 9 và xã Kon Pne phát sinh tiêu chí số: 11 và 15).

- **Đánh giá: Mục tiêu xây dựng 6/6 xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2021 không đạt và không đủ điều kiện để lập hồ sơ đề nghị thẩm định công nhận đạt chuẩn theo đúng quy định.** (Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

*** Một số Nguyên nhân xã không đạt chuẩn nông thôn mới theo kế hoạch:**

- Theo kế hoạch thực hiện đến năm 2021 đạt chuẩn 6 xã phấn đấu đạt chuẩn NTM là xã đặc biệt khó khăn (là xã vùng III) giai đoạn 2016-2020, tuy nhiên theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Chính phủ thì từ ngày 4/6/2021 có 5/6 xã (Kông Long Khong, Lơ Ku, Đak Smar, Kon Pne và Krong) không còn là xã vùng III nên yêu cầu mức thu nhập đạt chuẩn nông thôn mới từ 38 triệu đồng/người/năm tăng lên thành 41 triệu/người/năm; Mặt khác từ đầu năm đến nay do dịch bệnh kéo dài nhiều lao động là người dân của huyện đang tham gia lao động, sản xuất tại các tác công ty ở các tỉnh phía nam

(Bình Dương, Đồng Nai, TP HCM, ...) bị ngưng việc, mất việc làm do giãn cách xã hội đã quay trở về địa phương, thu nhập không ổn định; sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn do hạn hán trên cây trồng và dịch bệnh trong chăn nuôi (nhất là bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò đã làm 166 con bò bị chết), tiêu thụ nông sản gặp khó khăn, từ những yếu tố khó khăn nêu trên nên mức thu nhập trên địa bàn các xã qua điều tra chỉ đạt từ 28 – 30 triệu đồng so với kế hoạch là 38 triệu đồng.

- Đối với các tiêu chí phát sinh trong năm 2021.

+ Tiêu chí số 9 – Nhà ở dân cư (tại xã Kông Long Khong): Hiện tại qua rà soát nhà ở tại một số hộ gia đình được hỗ trợ làm nhà từ các Chương trình 134, 167, ... phần lớn đã xuống cấp, không đảm bảo diện tích, một số hộ bị ảnh hưởng thiên tai do các đợt mưa trong năm đã làm cho nhà xuống cấp nên đã làm phát sinh thêm 9 nhà tạm.

+ Tiêu chí số 11 và 15 trên địa bàn xã Kon Pné: Theo kết quả phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Chính phủ thì xã Kon Pné từ xã khu vực III năm 2020 đã trở thành xã khu vực I, do đó mọi chế độ chính sách cho người sinh sống trên địa bàn xã khu vực III (chế độ bảo hiểm, giáo dục, các chính sách an sinh xã hội, ...) đã bị cắt giảm dẫn đến nhiều hộ dân trên địa bàn xã tái nghèo và không thể duy trì đạt chuẩn tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế theo quy định.

(Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)

3. Về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU của Tỉnh ủy Gia Lai.

- **Làng Sơ Tor – Xã Sơ Tung:** Số tiêu chí đã đạt chuẩn: 17/19 tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 2 Tiêu chí (tiêu chí số 10 và 13).

- **Làng Đăk Kjong – xã Sơ Ku:** Số tiêu chí đã đạt chuẩn: 16/19 tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 3 tiêu chí (Tiêu chí số 10, 13 và 17.1).

- **Làng Tờ Kor – xã Sơ Pá:** Số tiêu chí đã đạt chuẩn: 16/19 tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 3 Tiêu chí (tiêu chí số 10, 11 và 13).

- **Làng Kon Ktonh – xã Kon Pné:** Số tiêu chí đã đạt chuẩn: 15/19 tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 5 tiêu chí (Tiêu chí số 10, 11, 13, 15).

- **Làng Groi – xã Kông Bờ La:** Số tiêu chí đã đạt chuẩn: 16/19 tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 3 tiêu chí (Tiêu chí số 10, 11 và 13).

- **Làng Lợt – xã Đăk Hlor:** Số tiêu chí đã đạt chuẩn: 17/19 tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 2 tiêu chí (Tiêu chí số 10 và 13).

- **Làng Cam – xã Đăk Smar:** Số tiêu chí đã đạt chuẩn: 17/19 tiêu chí. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn: 2 tiêu chí (Tiêu chí số 10 và 13).

*** Một số nguyên nhân các làng chưa đạt chuẩn theo kế hoạch:**

Đa số các làng dân tộc thiểu số được lựa chọn xây dựng làng nông thôn mới có nhiều mặt nổi trội, tuy nhiên so với mặt bằng chung còn nhiều khó khăn, hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nên bị tác động lớn của hạn hán, dịch bệnh nên các xã chưa xây dựng được các chuỗi liên kết sản xuất tập trung tại các làng và đặc biệt là ảnh hưởng của các chế độ, chính sách theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy Ban Dân tộc nên thu nhập bình quân đầu người, tiêu chí hộ nghèo và tỷ lệ tham gia bảo hiểm của người dân năm 2021 chưa đạt chuẩn theo quy định.

(Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI.

1. Đối với xây dựng huyện nông thôn mới.

- Tiếp tục rà soát, củng cố các tiêu chí đã đạt chuẩn.
- Đối với 6,58 km đường giao thông trục huyện, UBND huyện sẽ có kế hoạch lồng ghép các nguồn vốn đưa vào danh mục đầu tư công giai đoạn 2022-2025 để đạt chuẩn theo quy định.
- Đối với trung tâm văn hóa huyện: UBND huyện tiếp tục rà soát, đánh giá để có giải pháp đầu tư cơ sở vật chất đạt chuẩn theo quy định.

2. Đối với xây dựng xã, làng nông thôn mới.

- UBND huyện tiếp tục chỉ đạo 6 xã tập trung triển khai thực hiện xây dựng NTM để phấn đấu đạt chuẩn trong giai đoạn 2021-2025 theo đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt (theo bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

- Tiếp tục tuyên truyền nội dung, kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng xã nông thôn mới, làng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 theo kết quả phê duyệt tại Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện và Kế hoạch số 1844/KH-UBND ngày 3/12/2021 của UBND huyện.

- Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, tiếp tục thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, phấn đấu đến cuối năm 2025 huyện có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tăng cường công tác vận động người dân thực hiện chỉnh trang, xây dựng nhà ở và khuôn viên hộ gia đình đạt chuẩn, ngăn nắp, đảm bảo vệ sinh môi trường và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương.

- Phấn đấu đến cuối năm 2025 Mỗi xã đều có 1 làng nông thôn mới đạt chuẩn.

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Kbang năm 2021 theo chỉ tiêu kế hoạch được giao, UBND huyện báo cáo UBND Tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh nắm được, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND-UBND huyện;
- TT UBND huyện;
- Ban TT UBMTTQ VN huyện;
- Các thành viên BCĐ Huyện;
- Lưu: VT, VP. *u*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

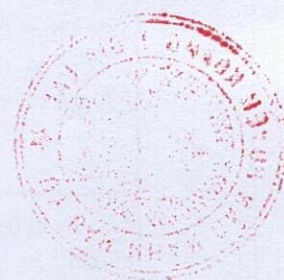
Biểu số: 01

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KBANG
(THEO BỘ TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2020)**

(Kèm theo Báo cáo số 608 /BC-UBND, ngày 15 / 12 /2021 của UBND Huyện Kbang)

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU CHUNG	Đánh giá	GHI CHÚ
1	1. Quy hoạch			
	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt	Dự kiến đạt trong năm 2021	Đang trình phê duyệt
2	2. Giao thông			
	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới xã	Đạt	Đạt	Còn lại 6,5km đường huyện là đường đất cấp phối
	2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Chưa Đạt	
3	3. Thủy lợi			
	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Huyện không có hệ thống thủy lợi liên xã
4	4. Điện			
	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	
5	5. Y tế - Văn hóa - Giáo dục			
	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	
	5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt	Chưa Đạt	Thiếu bể bơi; chưa có nhà tập luyện và thi đấu đa năng; Sân vận động đã quy hoạch nhưng chưa đầu tư theo quy định
	5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥60%	66,00%	Đạt chuẩn 2/3 trường

STT	NỘI DUNG TIÊU CHÍ	CHỈ TIÊU CHUNG	Đánh giá	GHI CHÚ
6	6. Sản xuất			
	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Chưa có	
7	7. Môi trường			
	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt	Đạt	Đang nâng cấp
	7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	
8	8. An ninh, trật tự xã hội			
	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt	Đạt	
9	9. Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới			
	9.1. Ban chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	
	9.2. Văn phòng Điều phối chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt	Đạt	
Tổng số tiêu chí đạt			7/9 Tiêu chí	





Biểu số: 02

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN 19 TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TẠI ĐỊA BÀN 6 XÃ ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐẠT CHUẨN NTM NĂM 2021, HUYỆN KBANG**
(Kèm theo Báo cáo số 608 /BC-UBND, ngày 15 / 12 /2021 của UBND Huyện Kbang)

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN 6 XÃ (THEO BỘ TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2020)						Ghi chú
				Kông Long Khong (vùng II)	Lơ Ku (vùng II)	ĐăkSmar (Vùng II)	Krong (vùng II)	Đăkrong (vùng III)	Kon Pne (vùng II)	
I. Quy hoạch										
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 6/6 xã
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 6/6 xã
II. Hạ tầng Kinh tế - Xã hội										
2	Giao Thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa,đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%	12,16/12,16km Đạt 100%	34/34km Đạt 100%	5,1/5,1km Đạt 100%	24,3/24,3km Đạt 100%	24,8/24,8km Đạt 100%	9,9/9,9km Đạt 100%	Đạt 6/6 xã
		2.2. Đường trục thôn, làng và đường liên thôn, làng đảm bảo cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa ≥ 70%	5,26/7,43 km Đạt 70,7%	7,07/8,05 km Đạt 87,8%	5,06/5,06 km Đạt 100%	8,45/10,84 km Đạt 77,9%	15,05/16,3 km Đạt 92,3%	3,3/3,3 km Đạt 100%	Đạt 6/6 xã
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa ≥ 50%	100% được cứng hóa	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%	100% được cứng hóa	Đạt 6/6 xã
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hóa đạt ≥ 70%	43/60,6km Đạt 70,9%	33,5/46,15km Đạt 72,6%	11,3/12,3km Đạt 91,8%	34,5/37,9km Đạt 92%	13,7/19,2km Đạt 71,35%	4,7/4,7km Đạt 100%	Đạt 6/6 xã
3	Thủy Lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	2868/3580 ha Đạt 80,1%	4.257/5.321 ha Đạt 80 %	339,5/3.775 ha Đạt 88,8%	5.434/6119,7 ha Đạt 88,8%	1.452/1.768,7 ha Đạt 82,1%	1852/2058ha Đạt 90%	Đạt 6/6 xã
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 6/6 xã

[illegible]

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN 6 XÃ (THEO BỘ TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2020)						Ghi chú
				Kông Long Khong (vùng II)	Lơ Ku (vùng II)	ĐăkSmar (Vùng II)	Krong (vùng II)	Đăkrong (vùng III)	Kon Pne (vùng II)	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	9	0	0	0	0	0	Đạt 5/6 xã
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥ 75%	864/1135 nhà Đạt 76,1%	751/772 nhà Đạt 97,28%	288/339 nhà Đạt 85%	1.060/1.165 nhà Đạt 91%	1.063/1.183 nhà Đạt 89,9%	297/390 nhà Đạt 76%	
III. Kinh tế và Tổ chức sản xuất										
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm)	Xã vùng II: 41 tr Xã vùng III: 38 tr	30,5 triệu đồng	29,4 triệu đồng	33,2 triệu đồng	28,7 triệu đồng	23,6 triệu đồng	28,4 triệu đồng	Đạt 0/6 xã
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 7%	5,08% (59/1162hộ)	5,06% (40/790 hộ)	5,81% (20/344hộ)	5,4% (75/1390 hộ)	6,42% (76/1183 hộ)	11,54% (45/390 hộ)	Đạt 5/6 xã
		Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025		22,55% 262/1162hộ)	32,15% (254/790 hộ)	22,38% (77/344hộ)	26,55% (369/1390 hộ)	35% (414/1183 hộ)	35,38% (138/390 hộ)	Đạt 0/6 xã
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 90%	1101/1135 Người (Đạt 97%)	1.708/1850 Người Đạt 92,3%.	828/886 Người (Đạt 92,5%)	2.909/2.942 Người (Đạt 98,9%)	2.386/2.561 Người (Đạt 93,2%)	980/980 Người (Đạt 100%)	Đạt 6/6 xã
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 6/6 xã
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt	KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN 6 XÃ (THEO BỘ TIÊU CHÍ GIẢI GIAI ĐOẠN 2016-2020)						Ghi chú
				Kông Long (vùng II)	Lơ Ku (vùng II)	ĐăkSmar (Vùng II)	Krong (vùng II)	Đăkrong (vùng III)	Kon Pnê (vùng II)	

IV. Văn hóa - Xã hội - Môi trường

14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập GD mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 6/6 xã
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	≥70%	45/50 học sinh (Đạt 90%)	34/47 học sinh (Đạt 72,3 %)	13/17 học sinh (Đạt 76,5 %)	93/130 học sinh (Đạt 71,5%)	52/67 học sinh (Đạt 77,6%)	15/18 học sinh (Đạt 83,33%)	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 25%	678/2447 lao động (Đạt 27,7%)	489/1.805 lao động (Đạt 27,1%)	241/886 lao động (Đạt 27%)	755/2.823 lao động (Đạt 26,7%)	620/2.391 lao động (Đạt 25,9%)	333/980 lao động (Đạt 33,97%)	
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%	3.963/4.580 người (Đạt 86,5%)	3.334/3.424 người (Đạt 97,37%)	1.450/1.482 người (Đạt 97,8%)	5274/5631 người, đạt 93,7%	3.887/3.956 người (Đạt 98,25%)	1065/1614 người (Đạt 66%)	
15	Y tế	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 5/6 xã
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 31,4 %	110/449 trẻ (Chiếm 24,5%)	93/351 trẻ (Đạt 26,49%)	48/177 trẻ (Đạt 27%)	170/558 trẻ (chiếm 30,5%)	109/437 trẻ (chiếm 25,5%)	16/57 trẻ (Chiếm 28,07%)	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥ 70%	9/9 làng (Đạt 100%)	9/9 làng (Đạt 100%)	3/3 thôn, làng (Đạt 100%)	8/10 làng Đạt 80%	8/11 làng Đạt 72,7%	3/3 làng (Đạt 100%)	Đạt 6/6 xã
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥ 50% nước sạch)	- Nước HVS: 98% - Nước sạch: 50%	- Nước HVS: 100% - Nước sạch: 50,7%	- Nước HVS: 100% - Nước sạch: 81%	- Nước HVS: 97,2% - Nước sạch: 50,8%	- Nước HVS: 100% - Nước sạch: 52,4%	- Nước HVS: 100% - Nước sạch: 50%	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN 6 XÃ (THEO BỘ TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2020)						Ghi chú
				Kông Long Khong (vùng II)	Lơ Ku (vùng II)	ĐăkSmar (Vùng II)	Krong (vùng II)	Đăkrong (vùng III)	Kon Pne (vùng II)	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	48/48 cơ sở (Đạt 100%)	8/8 cơ sở (Đạt 100%)	Đạt 100%	Đạt 100%	39/39 cơ sở (Đạt 100%)	16/16 cơ sở (Đạt 100%)	Đạt 6/6 xã
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Theo Quyết định 250/QĐ-UBND	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 70%	- Nhà tiêu: 71,7%; - Nhà tắm: 70,1%; - Bể chứa nước: 83,2%	- Nhà tiêu: 70,1%; - Nhà tắm: 70,8%; - Bể chứa nước: 71,3%	- Nhà tiêu: 85,1%; - Nhà tắm: 75,58%; - Bể chứa nước: 97,6%	- Nhà tiêu: 70,6%; - Nhà tắm: 73,1%; - Bể chứa nước: 76,9%	- Nhà tiêu: 73,8%; - Nhà tắm: 71,4%; - Bể chứa nước: 77,09%	- Nhà tiêu: 74,9%; - Nhà tắm: 74,9%; - Bể chứa nước: 100%	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 60%	413/681 hộ (Đạt 60,6%)	240/404 hộ (Đạt 60,03 %)	191/266 hộ (Đạt 71 %)	267/425 hộ (Đạt 62,8%)	670/925 hộ (Đạt 72,4%)	278/371 hộ (Đạt 74,9%)	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	1100/1100 hộ gia đình, cơ sở (Đạt 100%)	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%	23/23 hộ gia đình, cơ sở (Đạt 100%)	13/13 hộ gia đình, cơ sở (Đạt 100%)	
V. Hệ thống chính trị										
		18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	100%	20/20 CB, CC (Đạt 100%)	21/21 CB, CC (Đạt 100%)	18/18 CB, CC (Đạt 100%)	Đạt 100%	Đạt 100%	18/18 CB, CC (Đạt 100%)	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt	KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN 6 XÃ (THEO BỘ TIÊU CHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2020)							Ghi chú
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 6/6 xã	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%	Đạt 100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		19	Quốc phòng an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt
19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
TỔNG CỘNG									Đạt 0/6 xã		



(Kèm theo Báo cáo số 608 /BC-UBND, ngày 15 / 12 /2021 của UBND Huyện Khang)

[illegible]

[illegible]

ST T	Tên tiêu chí	Nội dung các tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TẠI 7 LÀNG THEO KẾ HOẠCH 2021 (THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND NGÀY 17/4/2019)								Ghi chú
				Làng Kon Kronh - xã Kon Phe	Làng Tờ Kor - xã Sơ Pai	Làng Cam - xã ĐăkSmar	Làng Lợt - xã ĐăkHlor	Làng Sơ Tor - xã Tơ Tung	Làng Đăk Kjông - xã Lo Ku	Làng Groi - xã Kông Bô La		
14	và Đào Tạo	+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt 7/7 làng	
		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	≥ 70%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%		
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	≥ 80%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥ 70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề	≥ 25%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
15	Y Tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥ 85%	48%	100%	100%	93%	100%	100%	100%	Đạt 6/7 làng	
		15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	≥ 97%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 31,4%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
16	Văn hóa	Thôn, làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 7/7 làng		
		17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước sạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt		
		17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		17.3. Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		

ST T	Tên tiêu chí	Nội dung các tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TẠI 7 LÀNG THEO KẾ HOẠCH 2021 (THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND NGÀY 17/4/2019)							Ghi chú
				Làng Kon Kronh - xã Kon Pnec	Làng Tò Kor - xã Sơ Păi	Làng Cam - xã ĐăkSmar	Làng Lợt - xã ĐăkHlơ	Làng Sơ Tơ - xã Tơ Tung	Làng Đăk Kjông - xã Lơ Ku	Làng Groi - xã Kông Bò La	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.4. Về nghĩa địa, khu vực chôn cất của thôn, làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100 m; trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 6/7 làng	
		17.5. Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hố thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng rác thải vứt bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh	≥ 70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sân.	≥ 60%	Đạt 58%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

14

[illegible]

ST T	Tên tiêu chí	Nội dung các tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TẠI 7 LÀNG THEO KẾ HOẠCH 2021 (THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 183/QĐ-UBND NGÀY 17/4/2019)							Ghi chú
				Làng Kon Kronh - xã Kon Pnec	Làng Tờ Kơ - - xã Sơ Pài	Làng Cam - xã ĐăkSmar	Làng Lọt - xã ĐăkHlơ	Làng Sơ Tơ - xã Tơ Tung	Làng Đăk Kjông - xã Lơ Ku	Làng Groi - xã Kông Bờ La	
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt 7/7 tiêu chí
		19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, làng hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		

1

